



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 28 (08/07-12/07/24)

*VN-Index tăng điểm trong nghi ngờ
cùng thanh khoản thấp*

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *Bật tăng tăng từ vùng giá thấp kênh tích lũy, VN-Index vượt lại SMA20*

4. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dầu khí +6.66%*

5. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	05/07/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5,567.2	0.5%	2.0%	4.0%	26.2%
EU (EURO STOXX 50)	4,979.4	-0.2%	1.7%	-1.1%	17.9%
Trung Quốc (SHCOMP)	2,949.9	-0.3%	-0.6%	-3.8%	-8.0%
Nhật Bản (NIKKEI)	40,912.4	0.0%	3.4%	6.3%	24.8%
Hàn Quốc (KOSPI)	2,862.2	1.3%	2.3%	6.4%	12.0%
Singapore (STI)	3,410.8	-0.8%	2.3%	2.4%	8.3%
Thái Lan (SET)	1,312.0	0.8%	0.8%	-2.0%	-12.0%
Phillipines (PCOMP)	6,492.8	-0.2%	1.3%	0.8%	0.3%
Malaysia (KLCI)	1,611.0	-0.4%	1.3%	0.2%	16.2%
Indonesia (JCI)	7,253.4	0.4%	2.7%	4.4%	7.3%
Việt Nam (VNI)	1,283.0	0.2%	3.0%	-0.1%	13.9%
Việt Nam (HNX)	242.3	0.2%	2.0%	-0.9%	7.7%
Việt Nam (UPCOM)	98.3	0.0%	0.7%	0.8%	15.5%

TTCK THẾ GIỚI

Cổ phiếu công nghệ dẫn dắt, các chỉ số CK Hoa lập kỷ lục mới

Bất chấp báo cáo việc làm suy yếu, các cổ phiếu công nghệ giúp TTCK toàn cầu tăng điểm tích cực. Thị trường hàng hóa tăng điểm trong khi DXY và lợi tức trái giảm điểm.

- TTCK Hoa Kỳ tăng bình quân 1.5%, EU600+1.5%, Nikkei225 +3.4%, CSI300 -0.9%.
- Chỉ số hàng hóa +1%; giá dầu +2.8%, vàng +1.4%, bạc +4.9%; kim loại đồng, quặng sắt, kẽm tăng vọt trên 6%.
- Chỉ số DXY -0.8% và TP Hoa Kỳ 10y -0.05% trong tuần.

Tại diễn đàn NHTW, chủ tịch FED chia sẻ tiến triển về lạm phát nhưng FED cần chắc chắn lạm phát giảm bền vững xuống gần 2% trước khi tiến hành giảm lãi suất. ECB đã tiến hành giảm lãi suất tại kỳ họp tháng 6 dù vậy chủ tịch ECB cũng chia sẻ quan điểm cần đảm bảo lãi suất được kiểm soát chặt chẽ trước khi giảm lãi suất thêm 1 lần nữa.

Bầu cử quốc hội Pháp, Chủ tịch FED điều trần trước Quốc hội, CPI Trung Quốc và Hoa Kỳ là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	05/07/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,392.2	1.5%	2.8%	1.3%	23.1%
Bạc	USD/ozt	31.2	2.7%	7.8%	-2.8%	34.7%
Thép HRC	USD/T.	675.0	0.9%	-0.1%	-14.7%	-38.6%
Nhôm	USD/MT	2,483.4	0.3%	1.2%	-7.9%	11.7%
Niken	USD/MT	17,117.2	0.7%	1.3%	-15.6%	-18.8%
Quặng sắt	CNY/MT	874.0	-1.2%	4.4%	-3.5%	10.3%
Dầu Brent	USD/bbl.	86.5	-1.0%	0.2%	2.8%	12.3%
Dầu WTI	USD/bbl.	83.2	-0.9%	1.7%	4.2%	14.4%
Xăng	USD/gal.	255.9	-1.6%	0.5%	2.0%	-5.3%
Than đá	USD/MT	135.8	-0.5%	2.3%	-4.7%	-3.5%
Đậu tương	USD/bu.	1,188.5	1.0%	3.1%	-3.3%	-11.1%
Cao su	JPY/kg	331.5	-2.6%	-4.7%	-1.9%	60.4%
Đường	USD/MT	575.0	-1.6%	-1.7%	3.9%	-18.8%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

VN-Index tăng điểm trong nghi ngờ cùng thanh khoản thấp

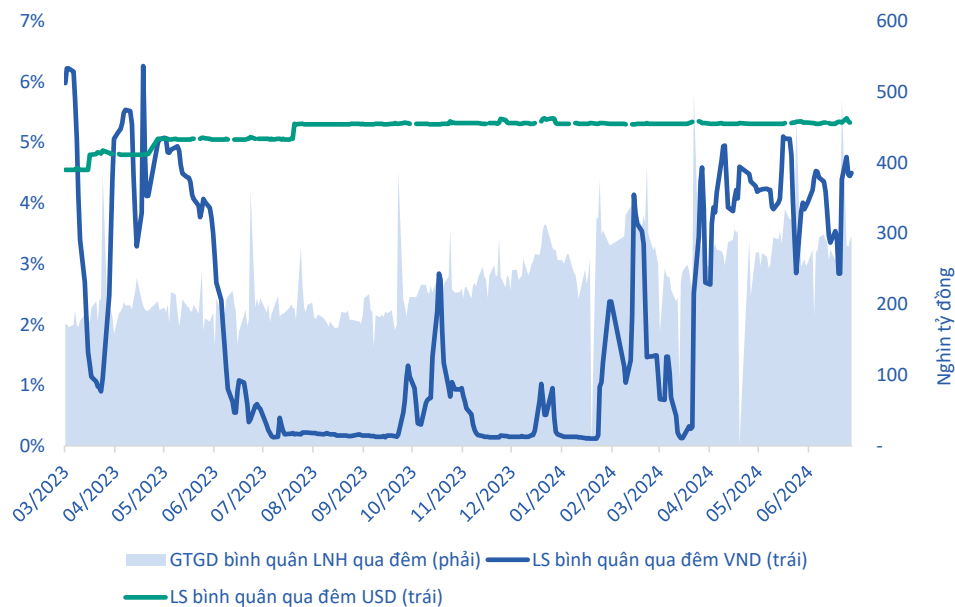
VN-Index có 5 phiên tăng điểm với mức tăng 3% và thanh khoản giảm 27%.

- Thị trường bật tăng nhanh từ vùng giá thấp sau khi lực bán giảm margin cuối tháng kết thúc. Một số CTCK đã tăng tỷ lệ margin cổ phiếu trong tuần.
- 17/18 ngành tăng điểm, dẫn đầu là dầu khí, công nghệ thông tin, du lịch và giải trí trên 6%. Nhóm Ngân hàng là trợ lực quan trọng giúp thị hồi phục ổn định với thanh khoản hạn chế.
- Khối ngoại bán ròng 83 triệu USD, giảm mạnh so với 176 triệu USD của tuần trước. Hoạt động mua bắt đáy đón đầu KQKD quý II khá phù hợp trong tuần vừa. Dù vậy lợi thế bắt đáy giảm rõ rệt khi VN-Index quay lại giữa kênh tích lũy. NĐT chờ vận động giá sau nhịp tích lũy 1,270 -1,285 để cân nhắc tăng tỷ trọng đầu tư.

Báo cáo Ngân hàng UOB giữ nguyên tăng trưởng Việt Nam 6% năm 2024. UOB nhận định triển vọng tăng trưởng sáng sủa cho dù lưu ý tốc độ tăng trưởng chậm nửa cuối năm do nền giá cao và rủi ro hiện hữu từ xung đột chính trị làm gián đoạn thương mại, năng lượng toàn cầu. Tiêu dùng phục hồi đang gây áp lực CPI. UOB cho rằng SBV vẫn duy trì lãi suất tái cấp vốn ở mức 4.5%.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch trên thị trường mở (OMOs)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Số dư bill
Tuần 19	152,303.7	32,588.2	(119,715.5)	(61,301.8)
Tuần 20	13,506.0	20,606.0	7,100.0	(54,201.8)
Tuần 21	10,206.0	109,371.3	99,165.3	44,963.4
Tuần 22	58,088.6	21,884.1	(36,204.5)	8,759.0
Tuần 23	98,542.7	35,161.3	(63,381.4)	(54,622.5)
Tuần 24	20,255.4	11,106.8	(9,148.6)	(63,771.0)
Tuần 25	35,806.8	2,700.0	(33,106.8)	(96,877.9)
Tuần 26	55,080.0	57,751.6	2,671.6	(94,206.3)
Tuần 27	83,201.6	53,218.7	(29,982.8)	(124,189.2)

Nguồn: SBV, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.55%	4.69%	4.65%	5.43%
So với tuần trước	+1.13%	+0.44%	+0.06%	+0.07%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	287,836.8	9,092.5	4,175.8	1,187.5
So với tuần trước	-8.47%	-69.05%	+7.92%	-56.92%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 04/07/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 27, SBV đã phát hành 55,650.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 24,758.7 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -29,982.8 tỷ đồng qua OMOs.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh trong tuần.

PTKT: *Bật tăng tăng từ vùng giá thấp kênh tích lũy, VN-Index vượt lại SMA20*

Đồ thị ngày: Trái ngược diễn biến tuần trước, VN-Index bật tăng từ sát kênh giá dưới vùng tích lũy, tương đương Fibonacci 23.8%. Dải bollinger mở rộng, thanh khoản thấp và các chỉ báo kỹ thuật giữ ở mức trung tính vẫn chưa cho thấy tín hiệu tin cậy xác nhận xu hướng.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 41 lên 56 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ dưới lên và vượt trên mức 0. Thanh khoản giảm 27% so bình quân giao dịch tuần trước.
- VN-Index vượt trên các đường SMA 20, 50, 100 và SMA 200.

Kết luận: Chỉ số vượt lại SMA20 dù vậy thanh khoản duy trì mở mức thấp và những phiên doji xuất hiện tại 1,285 điểm cho thấy khả năng cần tích lũy lại từ 1,275 – 1,285 trong tuần tới. Nhịp tích lũy này có thể tạo vai phải của mô hình vai đầu vai ngược, với đường viền cổ tại 1,285 và giá mục tiêu tại 1,300 điểm.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
BID	9.36	5.64
VCB	3.29	3.83
FPT	6.28	2.93
LPB	14.18	2.50
CTG	5.48	2.23
HVN	9.49	1.71
MWG	5.13	1.14
GAS	2.61	1.12
HDB	6.09	1.00
VPB	2.68	0.97
Tổng		23.07

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
DSE	-9.62	-0.22
DXG	-6.25	-0.18
POW	-2.01	-0.17
SVC	-15.94	-0.09
QCG	-8.86	-0.08
ITA	-6.69	-0.08
TV2	-10.11	-0.08
EVF	-2.45	-0.06
PPC	-4.63	-0.06
NVL	-0.75	-0.05
Tổng		-1.06

Khối ngoại mua ròng

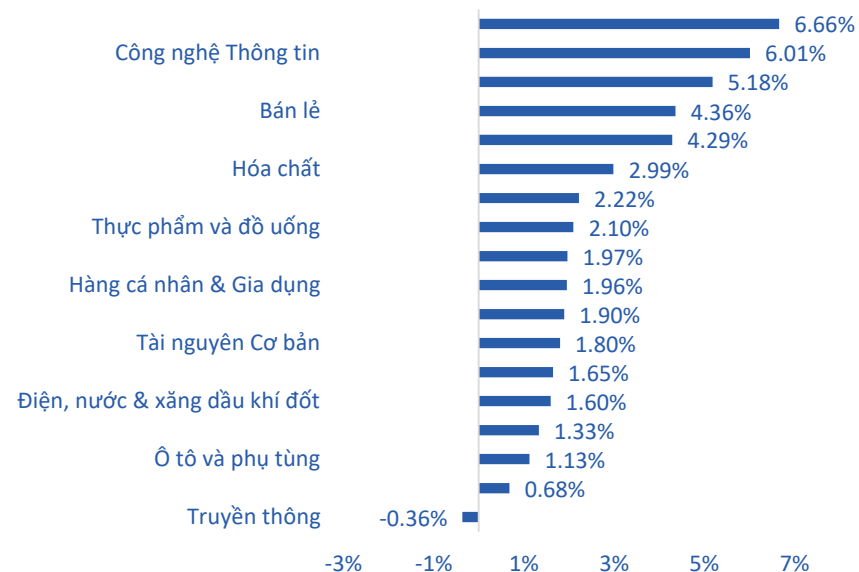
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
DSE	206.47
NLG	194.47
BID	188.21
PVS	114.62
MCH	92.25
HVN	56.26
PC1	54.03
VCI	44.07
MSB	37.75
TCM	28.36
Tổng	1,016.48

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
VRE	-728.43
FPT	-463.08
VHM	-422.24
FUEVFNVD	-228.45
HPG	-214.00
MWG	-165.18
TCB	-141.39
VJC	-110.60
DXG	-97.09
DCM	-67.98
Tổng	-2638.43

Vận động ngành

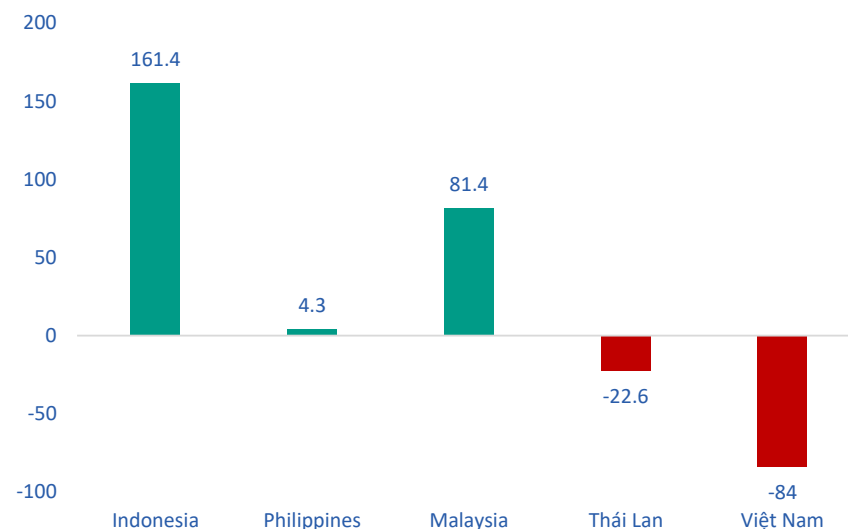
Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Dầu khí	0.09%	6.66%	2.51%
Công nghệ Thông tin	1.88%	6.01%	12.57%
Du lịch và Giải trí	3.39%	5.18%	10.13%
Bán lẻ	0.77%	4.36%	5.93%
Ngân hàng	0.30%	4.29%	1.17%



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	140.5	140.5	140.5	(5,894.1)
Indonesia	161.4	161.4	161.4	-265.6
Philippines	4.3	4.3	4.3	-523.1
Malaysia	81.4	81.4	81.4	-91.2
Thái Lan	-22.6	-22.6	-22.6	-3253.5
Việt Nam	-84	-84	-84	-1760.7
Các nước khác	2,431.0	2,431.0	2,431.0	24,261.3
Hàn Quốc	1305.5	1305.5	1305.5	18433.3
Đài Loan	351.3	351.3	351.3	4733.4
Ấn Độ	767.3	767.3	767.3	1116.8
Sri Lanka	6.90	6.90	6.90	(22.20)

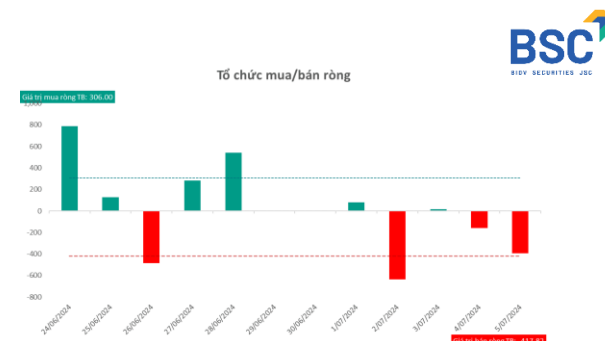
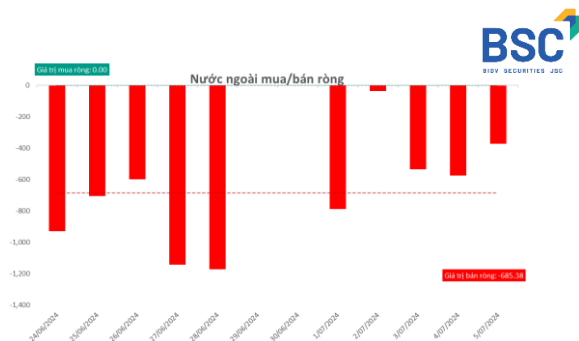
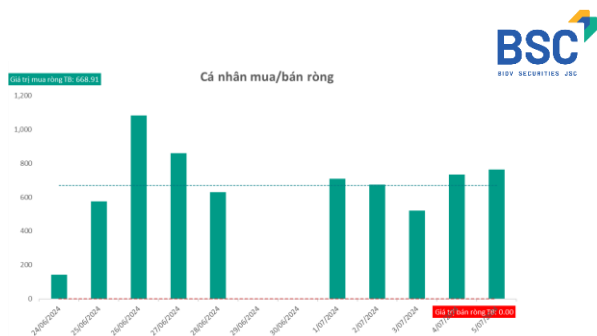


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Dec-23		Jan-24					Feb-24					Mar-24					Apr-24					May-24					Jun-24					Jul-24	
	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27					
Tổng	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)	(16.63)	(36.71)	(94.29)	(45.24)	(30.80)	(12.94)	(21.24)	(31.95)	(39.26)	(12.63)	(16.61)	(76.42)	(50.35)	(51.41)	(71.76)	(45.92)	(59.87)	(73.42)					
ETF ngoại	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)	1.09	1.76	(19.49)	(32.48)	(23.89)	7.97	(20.46)	(2.88)	7.37	18.42	(7.07)	(38.21)	(6.66)	(3.25)	(60.10)	(29.17)	(41.29)	(28.48)					
Fubon	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15	6.06	3.63	(16.75)	(29.66)	(21.99)	21.54	(2.61)	5.13	7.37	9.83	(10.16)	(32.45)	(4.90)	(3.25)	(24.52)	(10.89)	(6.24)	(2.43)					
VNM	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(5.18)	0.00	0.00	0.00					
FTSE	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)	(4.97)	(1.87)	(2.74)	(2.82)	(1.90)	(3.56)	(8.22)	(2.52)	0.00	8.59	3.09	(5.76)	(1.76)	0.00	(2.18)	(3.06)	(1.93)	(1.02)					
iShare	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(10.01)	(9.63)	(5.49)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(28.22)	(15.22)	(33.12)	(25.03)					
ETF nội	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)	(17.72)	(38.47)	(74.80)	(12.76)	(6.91)	(20.91)	(0.78)	(29.07)	(46.63)	(31.05)	(9.54)	(38.21)	(43.69)	(48.16)	(11.66)	(16.75)	(18.58)	(44.94)					
Diamond	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)	(8.70)	(32.81)	(66.55)	(5.76)	0.57	1.33	0.82	(28.90)	(47.54)	(2.34)	(9.28)	(32.45)	(28.90)	(47.54)	(4.93)	(9.66)	(27.06)	(45.56)					
EI	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)	(8.51)	(5.66)	(3.13)	(5.37)	(6.53)	(1.65)	(0.25)	(0.25)	0.59	(7.64)	(0.26)	0.00	(11.97)	(0.62)	(5.73)	(3.85)	7.59	0.62					
FinLead	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84	(0.51)	0.00	(5.12)	(1.63)	(0.95)	(20.59)	(1.35)	0.08	0.32	(21.07)	0.00	(5.76)	(2.82)	0.00	(1.00)	(3.24)	0.89	0.00					

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Mã	Top mua ròng		Top bán ròng			Mã	Top mua ròng		Top bán ròng			Mã	Top mua ròng		Top bán ròng		
	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị		Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị		Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
FUEVFNVD	9,127,500	291.54	FPT	2,708,102	-358.16	DSE	6,898,867	206.47	VRE	34,361,195	-728.43	FPT	7,843,366	1,040.38	VSC	21,248,636	-433.91
HPG	5,891,979	169.12	EIB	8,660,500	-160.82	NLG	4,499,100	194.47	FPT	3,462,649	-463.08	VRE	37,438,095	793.56	BID	5,237,416	-246.26
GVR	1,088,000	37.88	GMD	1,615,200	-132.71	BID	4,006,416	188.21	VHM	11,129,671	-422.24	MWG	7,157,889	458.10	DSE	6,898,867	-206.47
VPB	1,929,498	37.73	E1VFN30	5,359,800	-121.85	HVN	1,606,154	56.26	FUEVFNVD	7,121,970	-228.45	VHM	10,725,571	407.01	POW	6,952,558	-111.92
PVT	1,209,206	36.17	PNJ	1,103,500	-104.63	PC1	1,813,985	54.03	HPG	7,490,299	-214.00	EIB	20,006,436	385.89	NLG	2,554,023	-110.87
FUEKIVFS	2,857,400	34.27	TCB	4,326,000	-99.45	VCI	936,030	44.07	MWG	2,548,491	-165.18	TCB	11,162,512	255.77	HVN	2,427,354	-85.44
FUCTVGF5	2,000,000	20.30	ACB	3,803,648	-91.28	MSB	2,592,000	37.75	TCB	6,181,712	-141.89	SSB	10,696,800	221.28	STB	2,085,963	-62.55
VPI	307,500	18.63	MWG	1,127,368	-72.69	TCM	553,000	28.36	VJC	1,098,736	-110.60	CTR	1,571,677	210.05	PLX	1,277,130	-55.66
STB	487,200	14.74	REE	943,801	-60.40	SHB	2,394,812	27.99	DXG	6,225,076	-97.09	KDC	2,539,672	143.65	VCI	1,146,552	-54.03
DGC	118,000	14.30	HDB	2,453,900	-58.63	TPB	1,556,394	27.30	DCM	1,806,200	-67.98	DCM	3,455,000	129.90	NKG	2,104,264	-51.51

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	88	0.0%	0.6	19,326	6.4	5,838	15.1	0.0	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	47.3	0.0%	1.10	10,594	8.6	3841	12.3	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	0.5%	1.00	5,970	13.9	1397	13.7	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	23.5	0.0%	1.10	6,505	7.7	5600	4.2	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	22.8	0.0%	1.00	4,754	5.6	3818	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.1	0.7%	1.00	2,230	7.7	4206	7.2	-	23.1%	Link
CTG	Ngân hàng	32.7	1.2%	1.20	6,900	7.2	3751	8.7	-	26.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	0.6%	0.80	4,265	6.0	4072	6.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.6	0.7%	1.20	2,055	10.1	1704	20.3	-	42.9%	Link
IDC	BĐS KCN	60.2	-1.3%	1.20	781	1.1	5880	10.2	65,700	24.2%	Link
HPG	VLXD	28.6	-0.2%	1.20	7,200	13.9	1601	17.9	41,500	24.6%	Link
HSG	VLXD	25	0.0%	1.70	604	8.2	1423	17.5	25,300	21.0%	Link
VHM	BĐS	38	0.0%	1.00	6,579	9.9	5074	7.6	108,300	16.0%	Link
KDH	BĐS	38.3	0.9%	1.40	1,203	6.1	726	52.8	44,500	39.4%	Link
NLG	BĐS	44	2.3%	1.40	665	10.4	1040	42.3	-	48.2%	Link
DGC	Hóa chất	125	0.0%	1.40	1,865	9.7	7845	15.9	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	37.5	0.7%	1.30	780	6.7	2313	16.2	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	78.6	0.5%	0.60	7,093	2.3	4688	16.8	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	41.9	-1.4%	1.00	787	1.6	1992	21.0	57,000	21.0%	Link
PVD	Dầu khí	29.9	0.0%	1.30	653	1.7	1200	24.9	38,400	16.5%	Link
POW	Tiện ích	14.6	-1.0%	0.70	1,344	6.5	350	41.8	17,100	4.3%	Link
VHC	Thủy sản	73	0.7%	1.20	644	1.7	3774	19.3	108,500	29.4%	Link
GMD	Logistics	83.6	2.0%	0.90	1,020	6.1	8430	9.9	90,400	47.6%	Link
VNM	Bán lẻ	67.2	1.2%	0.60	5,518	11.0	4408	15.2	93,100	50.0%	Link
MSN	Bán lẻ	76.7	-0.1%	1.30	4,560	7.7	215	356.2	110,000	29.0%	Link
MWG	Bán lẻ	65.6	0.8%	1.40	3,768	20.5	717	91.5	-	47.3%	Link
PNJ	Bán lẻ	95	0.1%	1.00	1,249	2.8	5860	16.2	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	64.5	1.9%	1.80	423	5.0	2200	29.3	66,600	23.9%	Link
FPT	Công nghệ	138.7	2.1%	1.00	7,959	42.5	5335	26.0	107,900	46.2%	Link
CTR	Công nghệ	150	3.3%	1.20	674	2.3	4582	32.7	-	10.9%	Link

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	24.4	-0.6%	0.9	2,792	8.2	3,809	6.4	1.6	17.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.2	-0.2%	1.2	2,113	2.4	3,315	6.4	1.4	5.0%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.7	0.3%	1.2	1,531	1.8	2,050	8.6	1.1	28.2%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.6	-0.7%	1.2	1,151	1.7	2,310	6.3	0.9	29.2%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.0	0.0%	1.0	1,303	18.7	1,147	16.6	1.4	3.0%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.3	-0.7%	1.6	755	3.1	1,175	23.2	2.2	45.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.1	-0.4%	1.7	818	3.6	1,409	33.4	2.5	19.0%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.6	0.0%	1.5	993	4.6	2,057	8.1	1.2	10.3%	13.1%
BID	Ngân hàng	47.3	0.0%	1.1	10,594	8.6	3,841	12.3	2.3	17.1%	20.3%
SHS	Chứng khoán	17.5	-1.1%	1.7	559	1.3	1,076	16.3	1.3	9.4%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.3	0.0%	1.6	86	0.6	655	17.3	0.9	2.2%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.0	-1.2%	1.4	596	0.1	73	232.7	1.5	1.5%	0.7%
CTD	Xây dựng	71.8	-0.3%	1.2	282	1.5	2,709	26.5	0.8	46.8%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.5	-0.4%	1.5	202	1.1	833	15.0	0.6	8.2%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.9	-1.0%	1.4	-	0.2	433	22.9	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	26.8	-0.9%	1.8	643	9.4	(38)	-699.4	2.2	4.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	16.8	-0.6%	1.3	340	0.9	312	53.9	1.5	4.7%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.0	-1.0%	1.5	875	2.8	1,262	23.0	1.2	20.5%	11.7%
VGC	BĐS KCN	52.3	-0.4%	1.2	921	0.5	2,746	19.0	2.9	5.1%	12.5%
SZC	BĐS KCN	39.4	-1.1%	1.2	279	1.8	1,515	26.0	2.4	3.1%	13.4%
SIP	BĐS KCN	90.5	-0.5%	1.4	646	0.6	5,701	15.9	4.3	1.5%	26.9%
PHR	BĐS KCN	61.4	-0.5%	1.1	327	1.0	3,448	17.8	2.2	18.4%	18.3%
GVR	BĐS KCN	35.1	0.3%	1.5	5,517	4.3	628	55.9	2.7	0.5%	6.2%
NKG	Vật liệu	24.6	-1.0%	1.6	254	3.1	1,222	20.1	1.2	14.9%	2.3%
BMP	Hóa chất	99.2	-1.0%	1.0	319	0.4	11,594	8.6	2.8	83.5%	39.1%
IJC	Bất động sản	15.0	-0.3%	1.5	223	1.3	865	17.4	1.3	4.6%	10.3%
DXG	Bất động sản	15.0	-3.8%	1.8	425	9.1	420	35.7	1.0	19.3%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.8	-2.1%	1.2	1,857	15.9	1,966	10.6	1.2	24.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	23.8	-1.5%	1.7	815	3.4	964	24.6	1.8	8.0%	7.2%
CSV	Hóa chất	33.6	7.0%	1.6	146	1.7	4,370	7.7	1.0	4.0%	16.1%

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DHC	Hóa chất	40.6	0.2%	1.1	128	0.2	3,461	11.7	1.7	40.0%	17.2%
PLX	Dầu khí	44.0	0.1%	1.0	2,194	4.3	2,570	17.1	2.1	17.7%	10.7%
PLC	Dầu khí	27.2	-1.1%	1.5	86	0.1	1,112	24.5	1.7	0.3%	8.4%
BSR	Dầu khí	22.8	0.0%	1.2	-	4.1	2,588	8.8	1.2	0.7%	15.6%
DRC	Săm lốp	36.0	0.0%	0.8	168	1.6	2,286	15.7	2.3	13.3%	13.2%
PC1	Tiện ích	29.2	-1.0%	1.3	357	3.8	651	44.9	1.7	10.1%	4.1%
HDG	Tiện ích	29.5	1.2%	1.3	390	7.7	2,061	14.3	1.5	15.9%	12.9%
GEX	Tiện ích	22.8	0.4%	1.7	763	5.5	625	36.5	1.6	8.9%	4.1%
QTP	Tiện ích	16.4	0.6%	0.6	-	0.2	1,549	10.6	1.4	1.3%	10.8%
REE	Tiện ích	65.2	-0.2%	1.0	1,204	2.1	4,706	13.9	1.6	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	33.6	0.4%	1.4	176	1.4	(252)	-132.8	1.6	0.8%	1.5%
PTB	Thủy sản	72.0	0.6%	0.7	189	0.6	4,765	15.1	1.8	24.9%	10.6%
PVT	Logistics	30.1	-0.5%	1.0	421	3.7	3,150	9.6	1.4	14.2%	14.3%
VSC	Logistics	22.2	1.8%	1.4	233	6.8	532	41.7	2.0	2.7%	6.2%
HAH	Logistics	45.7	1.9%	1.3	218	11.3	3,081	14.8	1.8	11.2%	12.1%
VTP	Logistics	87.8	0.9%	1.5	420	3.6	2,980	29.5	6.6	7.5%	25.6%
DBC	Bán lẻ	35.2	3.4%	1.8	335	11.3	1,729	20.4	1.8	11.8%	0.5%
FRT	Bán lẻ	180.0	0.4%	0.8	964	3.8	(2,215)	-81.3	14.6	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.4	-0.6%	0.6	-	0.5	6,737	7.3	2.0	15.1%	27.3%
DPM	Phân bón	37.4	1.2%	1.3	576	6.4	1,372	27.3	1.3	8.5%	4.2%
TNG	Dệt may	27.8	1.5%	1.2	124	3.9	1,981	14.0	1.8	18.9%	12.5%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

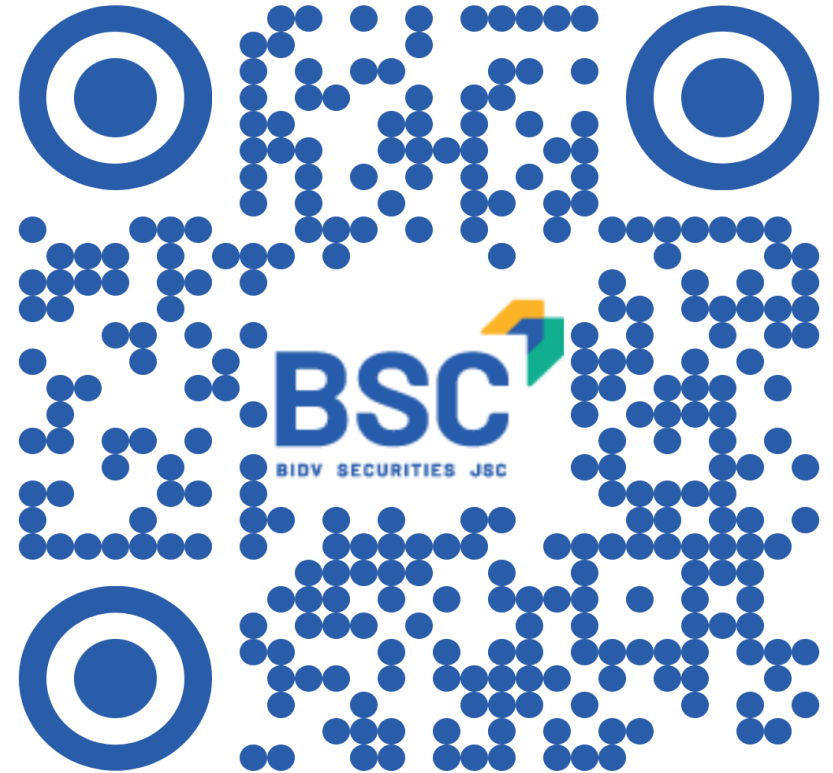
Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký